

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 402/2021/HC-PT

Ngày: 15 - 11 - 2021

V/v Khiếu kiện quyết định hành chính  
và yêu cầu bồi thường thiệt hại.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Thanh Dũng

*Các Thẩm phán:* Bà Mai Thị Tú Oanh

Ông Nguyễn Văn Minh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Ba Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 809/2020/TLPT-HC ngày 29 tháng 12 năm 2020 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính và yêu cầu bồi thường thiệt hại”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 1318/2020/HC-ST ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2288/2021/QĐ-PT ngày 18 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

**- Người khởi kiện:** Công ty TNHH N

Địa chỉ: đường T, Phường 2, quận T1, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:** Ông Nguyễn Hoàng H. (có văn bản xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: chung cư H, đường H, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: đường T, Phường 2, quận T1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ hiện nay: đường N, phường T1, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Người bị kiện:** Cục Đăng kiểm Việt Nam (có văn bản xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: đường P, phường M, quận N, Thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Đặng Trung D. (có mặt)

Địa chỉ: đường X, Phường 25, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người kháng cáo: Công ty TNHH N.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Người khởi kiện Công ty TNHH N (gọi tắt là Công ty N) có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Hoàng H trình bày:*

Công ty N có nhập 01 xe chở người có khoang chứa hành lý, mã số DN11, số lượng ghế ngồi là 04 ghế. Đây là phương tiện thông dụng, được sử dụng nhiều tại các sân vận động, sân golf, khu vui chơi du lịch, dùng để chở khách đi tham quan trong nội bộ tập thể công nhân di chuyển, đưa đón khách hàng, kiểm hàng trong phạm vi tỉnh Bến Tre.

Theo Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu (gọi tắt là giấy chứng nhận) số 18/KMC/225794 ngày 05/11/2018 của Cục Đăng kiểm Việt Nam, thì nội dung thể hiện là phương tiện chở hàng. Việc ghi nhận phương tiện là xe chở hàng trên giấy chứng nhận gây ảnh hưởng đến tiến trình thông quan, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của doanh nghiệp.

Do đó, Công ty N khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy Giấy chứng nhận số 18/KMC/225794 ngày 05/11/2018 của Cục Đăng kiểm Việt Nam; bồi thường thiệt hại số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng chi phí sử dụng ứng dụng phương tiện cho Công ty N.

*Người bị kiện Cục Đăng kiểm Việt Nam có văn bản số 3045/ĐKVN-VAQ ngày 07/8/2019 trình bày ý kiến đối với yêu cầu của người khởi kiện như sau:*

Quy trình tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra và cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu hiện nay được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT ngày 31/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng.

Đối với trường hợp cấp Giấy chứng nhận số 18KMC/225794 cho 01 xe chở hàng do Công ty TNHH N nhập khẩu, diễn biến của vụ việc như sau:

Ngày 12/9/2018, Công ty TNHH N mở hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng nhập khẩu có mã số 132018017524 cho một xe chở người bốn bánh có gắn động cơ trên công thông tin một cửa quốc gia (VNSW) theo thủ tục kiểm tra chứng nhận chất lượng xe chở người bốn bánh có gắn động cơ nhập khẩu được quy định tại Thông tư số 86/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về điều kiện đối với xe chở người bốn bánh có gắn động cơ và người điều khiển tham gia giao thông trong phạm vi hạn chế. Thành phần

hồ sơ gồm có:

- Bản đăng ký kiểm tra (khai báo trực tuyến trên VNSW);
- Bản kê chi tiết (khai báo trực tuyến trên VNSW);
- Bảng thông tin xe chở người bốn bánh có gắn động cơ nhập khẩu (khai báo trực tuyến trên VNSW);
- Hóa đơn thương mại số MSHSH1814810001 ngày 17/07/2018 (tài liệu định dạng PDF tải lên hồ sơ);
- Parking list (tài liệu định dạng PDF tải lên hồ sơ);
- Tài liệu kỹ thuật của nhà sản xuất (tài liệu định dạng PDF tải lên hồ sơ);
- Giấy chứng nhận chất lượng của nhà sản xuất (tài liệu định dạng PDF tải lên hồ sơ);

Tuy nhiên, khi xem xét tài liệu kỹ thuật của nhà sản xuất do Công ty TNHH N cung cấp và đối chiếu với quy định tại Thông tư số 86/2014/TT-BGTVT, Cục Đăng kiểm Việt Nam nhận thấy chiếc xe do Công ty TNHH N nhập khẩu là xe chở hàng, không phải xe chở người bốn bánh có gắn động cơ, cụ thể như sau:

Theo mô tả trong tài liệu kỹ thuật thì chiếc xe nhập khẩu là loại xe đã được nhà sản xuất nước ngoài chuyển đổi (modify) từ xe chở người bốn bánh có gắn động cơ Marshall DN-11 (11 chỗ ngồi) thành xe chở hàng (có khả năng chở 4-5 người và 1000 kg hàng hóa; Thùng chở hàng có kích thước 2000x1485x550 mm).

Theo quy định tại khoản 1, Điều 3 Thông tư số 86/2014/TT-BGTVT thì xe chở người bốn bánh có gắn động cơ phải là xe có kết cấu để chở người trong khi đó theo tài liệu kỹ thuật của nhà sản xuất thì xe nhập khẩu trong trường hợp này có thiết kế thùng để chở hàng hóa (cargo box) với kích thước 2000x1485x550 (mm) là không phù hợp với quy định.

Theo quy định tại mục 3.2.2, Phụ lục I Thông tư 86/2014/TT-BGTVT thì khối lượng hành lý của mỗi người ngồi trên xe không được lớn hơn 10 kg. Như vậy, khối lượng hành lý tối đa trong trường hợp này không được lớn hơn 40-50 kg (tương ứng với 4-5 người ngồi trên xe), trong khi đó chiếc xe này được thiết kế chủ yếu để chở hàng hóa với khối lượng chở hàng theo tài liệu của nhà sản xuất là 1000 kg hàng hóa.

Căn cứ mục 10, phần D, Phân nhóm I, Phụ lục 1 Thông tư 39/2016/TT-BGTVT ngày 06/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Giao thông vận tải thì thủ tục kiểm tra chứng nhận chất lượng nhập khẩu xe chở hàng được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT ngày 31/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng.

Do đó Cục Đăng kiểm Việt Nam đã từ chối tiếp nhận hồ sơ theo thủ tục xe

chở người bốn bánh có gắn động cơ nhập khẩu và hướng dẫn Công ty N mở lại hồ sơ theo thủ tục xe máy chuyên dùng nhập khẩu.

Ngày 18/9/2018, Công ty TNHH N đã gửi đề nghị hủy hồ sơ mã số 132018017524 nêu trên. Cùng ngày, Cục Đăng kiểm Việt Nam đã xác nhận đề hủy hồ sơ này.

Ngày 18/9/2018, Công ty TNHH N đã mở hồ sơ đăng ký kiểm tra trên VNSW có mã số 152018017910 cho chiếc xe nêu trên theo thủ tục kiểm tra chứng nhận chất lượng xe máy chuyên dùng nhập khẩu được quy định tại Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT ngày 31/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng. Tên loại xe máy chuyên dùng được khai báo là xe chở hàng. Thành phần hồ sơ gồm có:

- Bản đăng ký kiểm tra (khai báo trực tuyến trên VNSW);
- Bản kê chi tiết (khai báo trực tuyến trên VNSW);
- Bảng thông tin xe máy chuyên dùng nhập khẩu (khai báo trực tuyến trên VNSW);
- Hóa đơn thương mại số MSHSH1814810001 ngày 17/07/2018 (tài liệu định dạng PDF tải lên hồ sơ);
- Parking list (tài liệu định dạng PDF tải lên hồ sơ);
- Tài liệu kỹ thuật của nhà sản xuất (tài liệu định dạng PDF tải lên hồ sơ);
- Giấy chứng nhận chất lượng của nhà sản xuất (tài liệu định dạng PDF tải lên hồ sơ);
- Danh sách số khung, số động cơ;
- Bản vẽ kỹ thuật của xe.

Cùng ngày 18/9/2018, Cục Đăng kiểm Việt Nam đã tiếp nhận hồ sơ có mã số 152018017910 nêu trên và cấp số hồ sơ đăng ký kiểm tra 008688/18MC.

Kết quả kiểm tra ngày 31/10/2018 cho thấy chiếc xe thực tế phù hợp với hồ sơ đăng ký kiểm tra số 008688/18MC (xe chở hàng có 05 chỗ ngồi và có thùng hàng chở 1000 kg hàng hóa). Do đó, ngày 05/11/2018, Cục Đăng kiểm Việt Nam đã cấp Giấy chứng nhận số 18KMC/225794 cho chiếc xe chở hàng do Công ty TNHH N nhập khẩu.

Ý kiến của Cục Đăng kiểm Việt Nam: Việc cấp Giấy chứng nhận số 18KMC/225794 nêu trên là hoàn toàn thực hiện đúng quy định pháp luật. Do đó Cục Đăng kiểm Việt Nam không đồng ý yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH N về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận số 18KMC/225794, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH N.

*Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 1318/2020/HC-ST ngày 26 tháng 8 năm 2020, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:*

Căn cứ khoản 1 Điều 30; Điều 32; Điều 116; Điều 157, Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ Thông tư số 86/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về điều kiện đối với xe chở người bốn bánh có gắn động cơ và người điều khiển tham gia giao thông trong phạm vi hạn chế;

Căn cứ Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT ngày 31/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các loại xe máy chuyên dùng nhập khẩu; sản xuất, lắp ráp từ các linh kiện chưa qua sử dụng hoặc từ xe cơ sở chưa qua sử dụng và chưa có biển đăng ký; cải tạo và khai thác sử dụng;

Căn cứ Thông tư số 39/2016/TT-BGTVT ngày 06/12/2016 của Bộ Trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH N về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu số 18KMC/225794 do Cục Đăng kiểm Việt Nam cấp ngày 05/11/2018 cho Công ty TNHH N.

Bác yêu cầu của Công ty TNHH N về việc yêu cầu Cục Đăng kiểm Việt Nam phải bồi thường số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 23/9/2020, Công ty TNHH N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH N có văn bản xin xét xử vắng mặt, đồng thời trình bày ý kiến vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Hội đồng xét xử phúc thẩm và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

### **[1] Về tố tụng:**

Đơn kháng cáo của Công ty TNHH N làm trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện và người bị kiện vắng mặt, có văn bản xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính tiến hành xét xử vắng mặt đối với người khởi kiện và người bị kiện.

### **[2] Về nội dung:**

[2.1] Công ty TNHH N khởi kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu số 18KMC/225794 do Cục Đăng kiểm Việt Nam cấp ngày 05/11/2018 cho Công ty TNHH N. Đồng thời, yêu cầu Cục Đăng kiểm Việt Nam bồi thường số tiền 200.000.000 đồng.

[2.2] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 12/9/2018, Công ty TNHH N mở hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng nhập khẩu có mã số 132018017524 cho một xe chở người bốn bánh có gắn động cơ, có khoang chứa hàng. Cục Đăng kiểm Việt Nam đã tiếp nhận hồ sơ đăng ký của Công ty TNHH N.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 3 và mục 3.2.2 Phụ Lục I Thông tư số 86/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải thì "xe chở người bốn bánh có gắn động cơ là phương tiện giao thông cơ giới đường bộ chạy bằng động cơ, có kết cấu để chở người, hai trục, ít nhất bốn bánh xe, vận tốc thiết kế lớn nhất không lớn hơn 30 km/h, số chỗ ngồi tối đa không quá 15 chỗ (kể cả chỗ ngồi của người lái). Khối lượng tính toán hành lý của mỗi người ngồi trên xe không được lớn hơn 10kg". Trong khi đó, theo mô tả trong tài liệu kỹ thuật thì chiếc xe nhập khẩu là loại xe đã được nhà sản xuất nước ngoài chuyển đổi (modify) từ xe chở người bốn bánh có gắn động cơ Marshall DN-11 (11 chỗ ngồi) thành xe chở hàng (có khả năng chở 4-5 người và 1000 kg hàng hóa; Thùng chở hàng có kích thước 2000x1485x550 mm).

Như vậy, phương tiện đăng ký không đảm bảo tiêu chuẩn là xe chở người bốn bánh có gắn động cơ theo quy định pháp luật. Cục Đăng kiểm Việt Nam đã từ chối tiếp nhận hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng nhập khẩu có mã số 132018017524 là đúng quy định.

Ngày 18/9/2018, Công ty TNHH N cũng đã gửi đề nghị hủy hồ sơ mã số 132018017524 nêu trên và mở hồ sơ đăng ký kiểm tra trên VNSW có mã số

152018017910 cho chiếc xe, nội dung đăng ký là loại xe chở hàng có 05 chỗ ngồi và có thùng hàng chở 1000kg hàng hoá. Trên cơ sở đó, Cục Đăng kiểm Việt Nam đã cấp Giấy chứng nhận số 18KMC/225794 cho Công ty TNHH N theo đúng chủng loại phương tiện mà Công ty TNHH N đã đăng ký.

Nay Công ty TNHH N khởi kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu số 18KMC/225794 do Cục Đăng kiểm Việt Nam cấp ngày 05/11/2018 cho Công ty TNHH N và buộc Cục Đăng kiểm Việt Nam bồi thường số tiền 200.000.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH N; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên Công ty TNHH N phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 241, Điều 242 Luật tổ tụng hành chính;

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH N. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 1318/2020/HC-ST ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Áp dụng Thông tư số 86/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về điều kiện đối với xe chở người bốn bánh có gắn động cơ và người điều khiển tham gia giao thông trong phạm vi hạn chế; Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT ngày 31/12/2015 của Bộ Trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các loại xe máy chuyên dùng nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp từ các linh kiện chưa qua sử dụng hoặc từ xe cơ sở chưa qua sử dụng và chưa có biển đăng ký, cải tạo và khai thác sử dụng; Thông tư số 39/2016/TT-BGTVT ngày 06/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Giao thông vận tải; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, giữ quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH N về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu số 18KMC/225794 do Cục Đăng kiểm Việt Nam cấp ngày 05/11/2018 cho Công ty TNHH N.

Bác yêu cầu của Công ty TNHH N về việc yêu cầu Cục Đăng kiểm Việt Nam phải bồi thường số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Án phí hành chính phúc thẩm: Công ty TNHH N phải chịu 300.000 đồng; được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0093018 ngày 16/11/2020 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh; đương sự đã thực hiện xong.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Các Thẩm phán**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Văn Minh**

**Mai Thị Tú Oanh**

**Hoàng Thanh Dũng**